TỪ LY HỢP TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI GIẢNG DẠY TIẾNG HÁN NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

Đoàn Thị Hải Yến
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: *Từ ly hợp là một hiện tượng ngữ pháp đặc thù trong tiếng Hán hiện đại, thể hiện sự giao thoa giữa từ pháp và cú pháp, đồng thời phản ánh tính linh hoạt và phức tạp trong cấu trúc ngôn ngữ. Với đặc điểm "vừa ly vừa hợp", loại đơn vị này không chỉ đặt ra nhiều tranh luận trong giới ngôn ngữ học về vấn đề định danh, phân loại và tiêu chí nhận diện, mà còn gây không ít khó khăn cho người học trong quá trình tiếp cận và sử dụng tiếng Hán như một ngoại ngữ. Bài viết tiến hành tổng quan các quan điểm nghiên cứu tiêu biểu về từ ly hợp, tập trung làm rõ các nội dung cơ bản như: định nghĩa và cách tiếp cận lý thuyết, các kiểu cấu trúc, tiêu chí nhận diện, đặc điểm ngữ pháp, phương thức mở rộng, cũng như đặc trưng ngữ nghĩa và ngữ dụng của loại hình này. Trên cơ sở phân tích và so sánh các hệ tiêu chí khác nhau, bài viết chỉ ra rằng từ ly hợp là một thực thể trung gian có tính chất phức hợp, không thể xác định một cách đơn giản theo các tiêu chí truyền thống của từ hay cụm từ.*

Từ khóa: *Từ ly hợp, tiếng Hán hiện đại, ngữ pháp tiếng Hán, giảng dạy tiếng Hán, ngoại ngữ.*

SEPARATE WORDS IN MODERN CHINESE AND THEIR IMPLICATIONS FOR TEACHING CHINESE AS A FOREIGN LANGUAGE

Abstract: *Separable words are a unique grammatical phenomenon in modern Chinese, reflecting the interplay between lexical and syntactic properties, and the flexibility and complexity of the language structure. With their characteristic of being both separate and combined, this type of unit not only sparks much debate among linguists regarding naming, classification, and identification criteria, but also poses considerable difficulties for learners in approaching and using Chinese as a foreign language. This article provides an overview of typical research perspectives on compound words, focusing on clarifying fundamental aspects such as: definition and theoretical approaches, structural types, identification criteria, grammatical characteristics, expansion methods, as well as the semantic and pragmatic features of this type. Based on the analysis and comparison of different criteria systems, the article points out that compound words are complex intermediate entities that cannot be simply defined according to traditional word or phrase criteria.*

Keywords: *Separable words, modern Chinese, Chinese grammar, teaching Chinese, foreign language.*

Nhận bài: 15/05/2026 *Phản biện: 15/06/2026* *Duyệt đăng: 19/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, từ ly hợp (离合词) là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt, thu hút sự quan tâm rộng rãi của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Khác với các đơn vị từ vựng thông thường, từ ly hợp mang đặc trưng "vừa hợp vừa ly", tức là có thể tồn tại dưới dạng một chỉnh thể thống nhất, đồng thời cũng có khả năng tách rời thành các thành phần cấu tạo trong những ngữ cảnh nhất định. Chính tính chất linh hoạt này đã khiến từ ly hợp trở thành một đối tượng nghiên cứu phức tạp, nằm ở ranh giới giữa từ pháp và cú pháp.

Trong lịch sử nghiên cứu, vấn đề định danh, phân loại và xác định bản chất của từ ly hợp vẫn còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Một số học giả xem đây là một loại từ đặc biệt, trong khi những người khác lại cho rằng đó là một dạng đoản ngữ hoặc một thực thể trung gian giữa từ và cụm từ. Sự đa dạng trong cách tiếp cận đã phản ánh tính phức tạp nội tại của hiện tượng này, đồng thời đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc xây dựng hệ thống lý luận thống nhất.

Bên cạnh ý nghĩa lý luận, việc nghiên cứu từ ly hợp còn có giá trị thực tiễn quan trọng, đặc biệt trong giảng dạy và học tập tiếng Hán như một ngoại ngữ. Người học thường gặp khó khăn trong việc nhận diện, sử dụng và mở rộng từ ly hợp một cách chính xác do đặc điểm biến đổi linh hoạt của chúng trong ngữ cảnh giao tiếp. Vì vậy, việc tổng quan một cách hệ thống các quan điểm nghiên cứu, tiêu chí nhận diện cũng như đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của từ ly hợp là cần thiết.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, bài viết tập trung tổng hợp và phân tích các hướng tiếp cận tiêu biểu về từ ly hợp trong tiếng Hán hiện đại, qua đó góp phần làm rõ bản chất của hiện tượng này và cung cấp cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và giảng dạy tiếng Hán trong bối cảnh hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Định nghĩa từ Ly hợp

Về vấn đề định danh cho từ ly hợp, có thể nói là lý thuyết vô cùng đa dạng và còn nhiều tranh cãi. Có quan điểm học giả cho rằng đây là từ, song

cũng có trường phái lại khẳng định đây là đoản ngữ. Lâm Hán Đạt (1953): Định danh hình thức tổ hợp này là "động từ kết hợp". Lục Chí Vi (1957): Là người đầu tiên chính thức đề xuất khái niệm "từ ly hợp" (离合词). Trương Thọ Khang (1957): Quy thuộc các từ mang cấu trúc động - tân như "革命" (cách mạng) và nhóm tương tự vào phạm trù "động từ ly hợp". Lã Thúc Tương (1979): Đưa ra thuật ngữ "từ đoản ngữ" (短语词) và nhận định rằng loại từ ngữ này vốn là một thực thể trung gian giữa từ và đoản ngữ. Triệu Nguyên Nhiệm (1979): Gọi hiện tượng mở rộng cấu trúc của tổ hợp này là sự "ion hóa" (离子化). Trong hệ thống định danh phong phú kể trên, học thuyết về "từ ly hợp" mang tính đại diện cao nhất và sở hữu tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất trong giới ngôn ngữ học.

2.2. Các kiểu cấu trúc của từ ly hợp

Về các kiểu cấu trúc của từ ly hợp, phần lớn các nhà ngữ pháp học đều đồng thuận rằng chúng chỉ tồn tại dưới dạng cấu trúc động - tân (động từ - tân ngữ). Tuy nhiên, Đoạn Nghiệp Huy (1994) đã chỉ ra rằng: từ ly hợp không chỉ giới hạn bó hẹp ở kiểu động - tân, mà còn bao gồm cả kiểu đẳng lập và kiểu chính - phụ.

2.3. Tiêu chí nhận diện từ ly hợp

Đối với việc nhận diện và phân loại từ ly hợp, giới học thuật hiện đang áp dụng nhiều hệ tiêu chí và phương pháp luận khác nhau:

2.3.1 Phương pháp nhận diện bằng ngữ nghĩa

Đây là phương pháp dựa vào tính chất đơn nhất hay phức hợp của khái niệm biểu đạt nhằm xác định một đơn vị ngữ pháp cụ thể là từ hay đoản ngữ. Vương Lực (1944): Định nghĩa từ là "đơn vị ý nghĩa nhỏ nhất trong ngôn ngữ". Cách định nghĩa này tất yếu sẽ làm thu hẹp phạm vi ngoại diên của từ, đồng thời mở rộng biên độ của đoản ngữ. Lâm Hán Đạt (1953): Áp dụng phương pháp nhận diện ngữ nghĩa này khi bàn về sự khác biệt giữa từ tổ (cụm từ) và từ ly hợp kiểu động - tân. Lục Chí Vi (1957): Cho rằng việc dựa thuần túy vào ngữ nghĩa để tự phán đoán mối quan hệ giữa thụ ngữ và tân ngữ là điều rất khó khăn. Ông nhận định thêm rằng, sự biến đổi về mặt ngữ nghĩa có thể diễn ra theo cách toàn bộ cấu trúc động - tân thay đổi nghĩa, hoặc bản thân động từ/tân ngữ thay đổi nét nghĩa trước rồi mới cấu thành cấu trúc động - tân (động bính cách). Lã Thúc Tương (1979): Khẳng định rằng, xét từ góc độ ngữ pháp, phương pháp này chỉ dừng lại ở giá trị tham khảo chứ không mang tính quyết định. Việc sử dụng phương pháp ngữ nghĩa để nhận diện và định tính từ ly hợp luôn đối mặt với nhiều trở ngại lớn.

2.3.2 Phương pháp thay thế đồng hình

Lục Chí Vi (1956) đề xuất phương pháp này, cho rằng cứ là thành phần có thể bị thay thế tại một vị trí nhất định trong cấu trúc thì cấu phần đó chính là từ. Tuy nhiên, phương pháp này tất yếu sẽ dẫn đến một kết luận thiếu tính khoa học rằng: tiếng Hán hiện đại hoàn toàn mang tính đơn âm tiết.

2.3.3 Phương pháp phân tách

Vương Lực (1944) khi phân định giữa cụm từ và từ đã áp dụng phương pháp phân tách. Trái lại, Lục Chí Vi (1957) đưa ra những nghi vấn nhất định; ông cho rằng phương pháp xen cách tuy thực sự có thể nhận diện được một số từ mang cấu trúc động - tân, nhưng một đơn vị có thể chèn thêm các thành phần khác vào giữa thì chưa chắc đã không phải là từ.

2.3.4 Phương pháp mở rộng

Lục Chí Vi (1957) đề xuất phương pháp mở rộng, nhấn mạnh việc mở rộng phải giới hạn trong phạm vi đồng hình và tuyệt đối không được làm thay đổi ngữ nghĩa của dạng thức gốc. Phạm Hiểu (1981) nhận định đây là một phương pháp tương đối khả thi và hiệu quả.

2.3.5 Nguyên tắc từ vựng - ngữ pháp

Trương Thọ Khang (1957) khi phân chia ranh giới giữa từ và cụm từ đã đề xuất nguyên tắc này. Trương Tĩnh (1984) tiếp tục phát triển sâu hơn khi cho rằng: để phân định từ và từ tổ, cần phải tìm kiếm tiêu chí và phương pháp giải quyết dựa trên các đặc điểm đối ứng giữa ý nghĩa từ vựng - ý nghĩa ngữ pháp, cũng như giữa hình thức từ vựng - hình thức ngữ pháp của chúng.

2.3.6 Hệ tiêu chí bốn thành phần

Hai tác giả Triệu Thục Hoa và Trương Bảo Lâm (1996) đã đề xuất hệ tiêu chí mới gồm 4 tiêu chuẩn cụ thể: (1) Dựa vào việc thành phần tổ hợp có chứa ngữ tố dính (ngữ tố ràng buộc) hay không để nhận diện từ ly hợp; (2) Khả năng phối hợp bị giới hạn nghiêm ngặt: tổ hợp động - danh mà trong đó một thành phần mang tính động từ chỉ có thể kết hợp với một thành phần mang tính danh từ cụ thể (hoặc ngược lại) thì được xác định là từ ly hợp; (3) Tổ hợp động - danh vốn không mang cấu trúc động - tân gốc nhưng lại được vận dụng theo cơ chế động - tân thì là từ ly hợp; (4) Những tổ hợp cấu trúc vừa có thể mở rộng, vừa đồng thời kiêm thuộc từ loại danh từ hoặc tính từ thì cấu thành từ ly hợp.

Đặc điểm ngữ pháp của từ ly hợp

Nhiêu Cần (1997) nhận định rằng với tư cách là một vị từ, từ ly hợp chủ yếu thể hiện các đặc

trưng ngữ pháp của động từ. Tuy nhiên, nhóm từ này vẫn mang những tính chất đặc thù biệt lập, ví dụ: Một số từ ly hợp có thể chịu sự tu sức trực tiếp từ các phó từ chỉ mức độ. Từ ly hợp thường đảm nhiệm vị trí động từ thứ nhất trong vị ngữ mang cấu trúc liên động.

Các phương thức mở rộng của từ ly hợp

Các tài liệu ngữ pháp thông thường đều chỉ ra rằng có thể chèn các trợ từ động thái "着" (trước), "了" (rồi), "过" (qua) cùng các thành phần bổ ngữ và định ngữ vào giữa cấu trúc của từ ly hợp. Đoạn Nghiệp Huy (1994): Cho rằng phương thức mở rộng của từ ly hợp vô cùng đa dạng, thành phần chèn nhập phức tạp với khoảng 5 đến 6 kiểu cấu trúc mở rộng khác nhau. Nhiêu Cần (1997): Khẳng định rằng phương thức mở rộng của từ ly hợp có thể lên tới 8 loại phong phú.

Đặc trưng ngữ nghĩa của từ ly hợp

Đoạn Nghiệp Huy (1994) chỉ ra rằng, phần lớn các từ ly hợp khi ở dạng gộp (hợp) có quan hệ ngữ nghĩa rất rõ ràng; tuy nhiên, khi phân tách (ly), do chịu sự ràng buộc và khu biệt của các thành phần chèn nhập, quan hệ ngữ nghĩa của toàn bộ cấu trúc trở nên tương đối phức tạp. Ví dụ: Các trợ từ động thái như "着", "了", "过" sẽ phát sinh quan hệ ngữ nghĩa với ngữ tố thứ nhất để biểu thị thời và thể của hành vi động tác; hoặc khi các đoản ngữ số lượng được chèn vào, cấu trúc sẽ phát sinh hai loại quan hệ ngữ nghĩa khác nhau, v.v.

Đặc trưng ngữ dụng của từ ly hợp

Nhiêu Cần (1997) cho rằng, tiêu chí cốt lõi đánh giá việc làm chủ một ngôn ngữ là khả năng vận dụng ngôn ngữ đó một cách thỏa đáng và tự nhiên trong giao tiếp thực tế. Điều này liên quan trực tiếp đến bình diện ngữ dụng. Ví dụ: Khi người nói nôn nóng muốn biết kết quả hoặc vội vã bày tỏ thái độ, họ thường có xu hướng sử dụng dạng thức mở rộng của từ ly hợp để tăng cường hiệu quả biểu đạt và nhấn mạnh tâm lý.

III. KẾT LUẬN

Từ ly hợp là một hiện tượng ngữ pháp đặc thù trong tiếng Hán hiện đại, thể hiện tính chất giao thoa giữa từ pháp và cú pháp, đồng thời phản ánh sự linh hoạt và phức tạp trong cấu trúc ngôn ngữ. Qua việc tổng quan các quan điểm nghiên cứu, có thể thấy rằng vấn đề định danh, phân loại và nhận diện từ ly hợp vẫn còn nhiều tranh luận, song học thuyết "từ ly hợp" vẫn giữ vị trí trung tâm trong nghiên cứu hiện nay.

Bài viết đã hệ thống hóa các hướng tiếp cận tiêu biểu về định nghĩa, cấu trúc, tiêu chí nhận diện, đặc điểm ngữ pháp, phương thức mở rộng cũng như đặc trưng ngữ nghĩa và ngữ dụng của từ ly hợp. Kết quả cho thấy, từ ly hợp không chỉ có giá trị trong việc nghiên cứu lý thuyết ngôn ngữ học mà còn có ý nghĩa thực tiễn quan trọng trong giảng dạy và học tập tiếng Hán, đặc biệt đối với người học ngoại ngữ.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn theo hướng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn sử dụng, đồng thời mở rộng khảo sát trên các ngữ liệu hiện đại nhằm làm rõ hơn bản chất và quy luật vận động của từ ly hợp trong giao tiếp ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

郭绍虞《汉语语法修辞新探》，商务印书馆，1979.
湖裕树《现代汉语》（重订版），上海教育出版社，1995.
陆志韦《汉语的构词法》，科学出版社，1957.